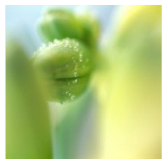
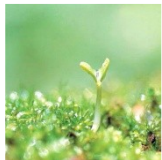




cuu duong than cong. com

HỢP ĐỒNG HOÁN ĐỔI

cuu duong than cong. com





1

**Tổng quan về hợp đồng
hoán đổi**

2

**Kế toán hợp đồng
hoán đổi**

cuu duong than cong. com



Hợp đồng hoán đổi

thỏa thuận mang tính pháp lý giữa hai bên

Không mang tính chất mua bán

Thời gian cụ thể, xác định

Lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá cả
được quy định trong hợp đồng



Hợp đồng hoán đổi lãi suất

↗ Trao đổi khoản phải trả về lãi suất của một khoản tiền xác định

↗ Các bên thanh toán cho nhau phần chênh lệch lãi suất thuần giữa lãi suất nhận về và lãi suất trả đi

→ Có thể xảy ra giữa hai doanh nghiệp, giữa hai ngân hàng hoặc giữa ngân hàng và doanh nghiệp

↘ Những yếu tố chủ yếu được quy định trong HĐ hoán đổi lãi suất: mức lãi suất cố định và mức lãi suất thả nổi được hoán đổi, kỳ hạn thanh toán lãi suất...



Hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Trao đổi hai loại đồng tiền khác nhau theo thời hạn thoả thuận và cuối thời hạn các bên phải trả lại cho nhau khoản tiền gốc ban đầu với tỷ giá tại thời điểm bắt đầu giao dịch

Hai bên còn hoán đổi cả lãi suất gắn liền với khoản tiền gốc

Một số trường hợp, doanh nghiệp không tham gia vào hợp đồng hoán đổi tiền tệ

Những yếu tố chủ yếu được quy định trong Hợp đồng hoán đổi tiền tệ: loại tiền tệ, thời gian hiệu lực, lãi suất phải trả và lãi suất được nhận...



Hợp đồng hoán đổi hàng hoá

↗ Trao đổi giá cả của một loại hàng hoá cụ thể

→ Các bên thường chỉ thanh toán cho nhau phần chênh lệch thuần giữa mức giá cố định và giá thả nổi tại thời điểm trước ngày kết thúc hợp đồng

↘ Những yếu tố chủ yếu được quy định trong Hợp đồng hoán đổi hàng hoá: mức giá cố định của hàng hoá được hoán đổi; Thời gian hiệu lực của hợp đồng hoán đổi

Nguyên tắc kế toán



	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Tại thời điểm HĐ có hiệu lực	Kế toán phản ánh giá trị cam kết danh nghĩa hoán đổi ở tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán	Ghi nhận số tiền gốc mang đi hoán đổi là khoản đầu tư, (nếu là ngoại tệ) ghi theo tỷ giá ghi sổ; số tiền gốc nhận về được ghi nhận là khoản đi vay, (nếu là ngoại tệ) ghi theo tỷ giá thực tế giao ngay hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng
Định kỳ	Căn cứ vào khoản chênh lệch giữa số tiền phải trả hoặc số tiền được nhận từ HĐ hoán đổi trong kỳ để ghi nhận vào BCKQHĐKD	Ghi nhận số tiền lãi phải trả theo HĐ hoán đổi là chi phí tài chính; số tiền lãi nhận về từ HĐ hoán đổi được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính

Nguyên tắc kế toán



	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Khi lập báo cáo tài chính	Kế toán phải đánh giá lại HĐ hoán đổi và ghi nhận giá trị hiện tại của khoản chênh lệch giữa số tiền ước tính phải thu và số tiền ước tính phải trả từ thời điểm báo cáo đến thời điểm đáo hạn HĐ là tài sản phải sinh hoặc nợ phải trả phải sinh	Kế toán phải đánh giá lại giá trị hợp lý hợp đồng hoán đổi là chênh lệch giữa giá trị hiện tại của số tiền mang đi trao đổi và số tiền nhận về từ việc hoán đổi để ghi nhận là tài sản phải sinh hoặc nợ phải trả phải sinh

Nguyên tắc kế toán

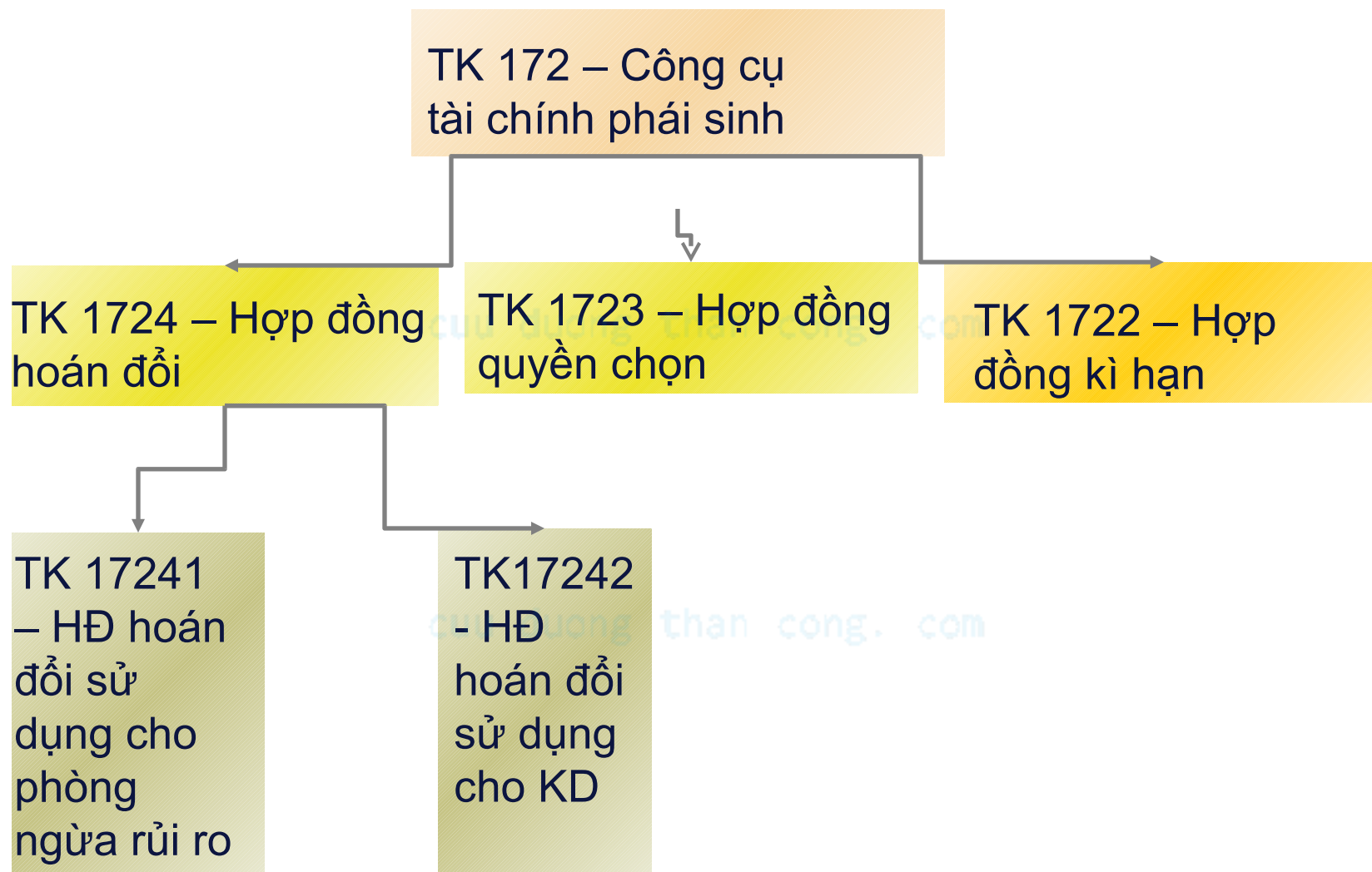


	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
HĐ hoán đổi sử dụng cho KD	Kế toán ghi nhận khoản chênh lệch đánh giá lại HĐ hoán đổi vào BCKQHĐKD	Ghi nhận khoản đánh giá lại giá trị hợp lý vào BCKQHĐKD
HĐ hoán đổi nắm giữ để phòng ngừa rủi ro	Kế toán ghi nhận khoản chênh lệch đánh giá lại hợp đồng hoán đổi vào vốn chủ sở hữu	Kế toán ghi nhận khoản đánh giá lại giá trị hợp lý vào vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc kế toán



	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Tại thời điểm đáo hạn hợp đồng	Ghi giảm toàn bộ số dư TS phải sinh hoặc nợ phải trả phải sinh tương ứng với giá trị đánh giá lại HĐ hoán đổi lũy kế đến cuối kỳ trước và ghi nhận số tiền phải thu, phải trả kỳ cuối cùng (nếu có), ghi giảm TS phải sinh và giảm khoản chênh lệch đánh giá lại HĐ hoán đổi lũy kế đến cuối kỳ trước và ghi giảm giá trị danh nghĩa HĐ hoán đổi ở tài khoản ngoài BCĐKT	Thu hồi số tiền gốc mang đi hoán đổi và ghi giảm khoản đầu tư, (nếu là ngoại tệ), được ghi nhận theo tỷ giá thực tế giao ngay; trả lại số tiền gốc nhận về từ việc hoán đổi và ghi giảm khoản đi vay, (nếu là ngoại tệ), được ghi nhận theo tỷ giá ghi sổ. Đồng thời, ghi giảm TS hoặc nợ phải trả phải sinh tương ứng với khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị hợp lý được ghi nhận trong phần VCSH





Tài khoản 172

- Giá trị hợp lý của tài sản phải sinh tăng
- Giá trị hợp lý của nợ phải trả phải sinh giảm

- Giá trị hợp lý của nợ phải trả phải sinh tăng
- Giá trị hợp lý của tài sản phải sinh giảm

Dư nợ: Giá trị hợp lý của tài sản phải sinh tại thời điểm báo cáo

Dư có: Giá trị hợp lý của nợ phải trả phải sinh tại thời điểm báo cáo



Tài khoản 1724

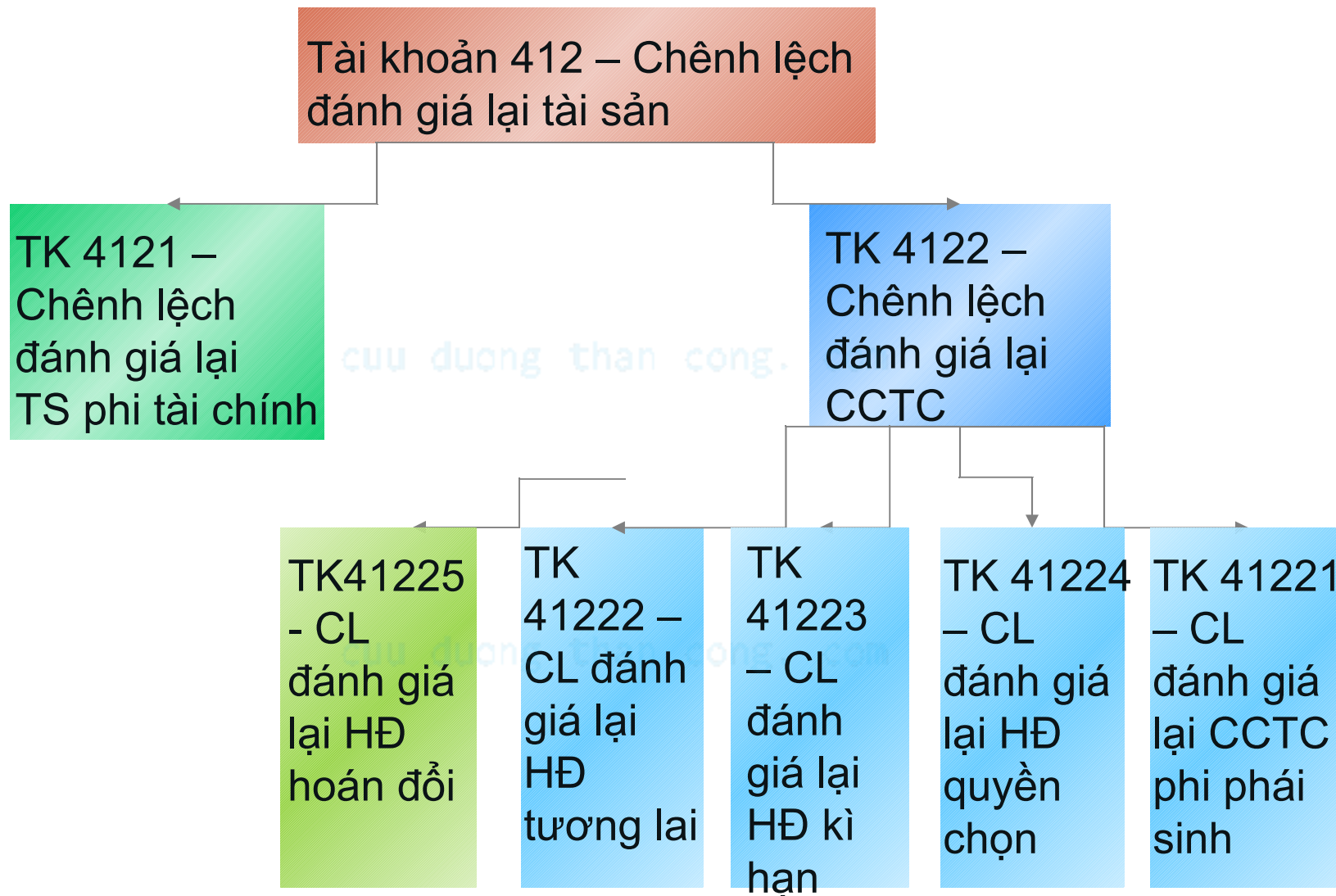
- Giá trị hợp lý của tài sản phải sinh tăng
- Giá trị hợp lý của nợ phải trả phải sinh giảm

Dư nợ: Giá trị hợp lý của tài sản phải sinh tại thời điểm báo cáo

- Giá trị hợp lý của nợ phải trả phải sinh tăng
- Giá trị hợp lý của tài sản phải sinh giảm

Dư nợ: Giá trị hợp lý của tài sản phải sinh tại thời điểm báo cáo

Tài khoản sử dụng





Tài khoản 412

- Khoản lỗ của công cụ tài chính phải sinh sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro trong thời gian hiệu lực của hợp đồng hoặc khi giao dịch dự kiến được phòng ngừa rủi ro chưa xảy ra

Dư nợ: Chênh lệch lũy kế của khoản lỗ lớn hơn lãi phát sinh từ công cụ tài chính phải sinh sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro

- Khoản lãi của công cụ tài chính phải sinh sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro trong thời gian hiệu lực của hợp đồng hoặc khi giao dịch dự kiến được phòng ngừa rủi ro chưa xảy ra

Dư có: Chênh lệch lũy kế của khoản lãi lớn hơn lỗ phát sinh từ công cụ tài chính phải sinh sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro



Tài khoản 41225

- Khoản lỗ của hợp đồng hoán đổi sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro trong thời gian hiệu lực của hợp đồng hoặc khi giao dịch dự kiến được phòng ngừa rủi ro chưa xảy ra

- Khoản lãi của hợp đồng hoán đổi sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro trong thời gian hiệu lực của hợp đồng hoặc khi giao dịch dự kiến được phòng ngừa rủi ro chưa xảy ra

Dư nợ: Chênh lệch lũy kế của khoản lỗ lớn hơn lãi phát sinh từ hợp đồng hoán đổi sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro

Dư có: Chênh lệch lũy kế của khoản lãi lớn hơn lỗ phát sinh từ hợp đồng hoán đổi sử dụng cho mục đích phòng ngừa rủi ro



Tài khoản 006 – Hợp đồng hoán đổi

Giá trị danh nghĩa tài sản cơ sở trong hợp đồng hoán đổi

Xoá sổ giá trị danh nghĩa tài sản cơ sở trong hợp đồng hoán đổi khi đáo hạn hợp đồng

Dư nợ: Giá trị danh nghĩa tài sản cơ sở trong hợp đồng hoán đổi vẫn còn hiệu lực



Công cụ tài chính phái sinh

CCTC phái sinh
sử dụng cho KD
đo lường giá trị
ban đầu theo giá
trị hợp lý, sự thay
đổi giá trị ghi nhận
vào thu chi tài
chính.

CCTC phái sinh
sử dụng cho
phòng ngừa rủi ro
đo lường giá trị
ban đầu theo giá
trị hợp lý, sự thay
đổi giá trị ghi
nhận vào VCSH
trên BCĐKT

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Tại thời điểm HĐ có hiệu lực	Nợ TK HĐHĐ-TK006: giá trị cam kết danh nghĩa hoán đổi	<ul style="list-style-type: none">- Đối với số tiền mang đi trao đổi: Nợ TK Đầu tư Có TK Tiền (chi tiết từng loại tiền mang đi hoán đổi)- Đối với số tiền nhận về: Nợ TK Tiền (chi tiết từng loại tiền nhận về từ việc hoán đổi) Có TK Đi vay Đồng thời ghi: Nợ TK HĐHĐ-TK006: giá trị danh nghĩa số tiền mang đi hoán đổi

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Định kỳ	<p>- Số tiền được nhận > số tiền phải trả từ HĐ hoán đổi trong kỳ: Nợ TK Tiền, Phải thu</p> <p>Có TK DTTC (Hoán đổi lãi suất để PNRR lãi suất của khoản cho vay) Có TK CPTC (Hoán đổi lãi suất để PNRR lãi suất của khoản đi vay) Có TK GVHB (Hoán đổi giá hàng hoá để PNRR đối với hàng hoá)</p>	<p>Đối với số tiền lãi phải thu:</p> <p>Nợ TK Tiền, phải thu Có TK DTTC</p>

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Định kỳ	<ul style="list-style-type: none">- Số tiền được nhận < số tiền phải trả từ HĐ hoán đổi trong kỳ:Nợ TK DTTC (Hoán đổi lãi suất để PNRR lãi suất của khoản cho vay)Nợ TK CPTC (Hoán đổi lãi suất để PNRR lãi suất của khoản đi vay)Nợ TK GVHB (Hoán đổi giá hàng hoá để PNRR đối với giá hàng hoá)Có TK Tiền, phải trả	<ul style="list-style-type: none">- Đối với số tiền lãi phải trả:Nợ TK CP tài chínhCó TK Tiền, PT

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Khi lập báo cáo tài chính	<ul style="list-style-type: none">- Giá trị hợp lý TS phải sinh của HĐHĐ tăng hoặc Nợ phải trả phải sinh giảm: Nợ TK 1724(1) - HĐ hoán đổi Có TK 41225 - Chênh lệch đánh giá lại HĐ hoán đổi- Giá trị hợp lý TS phải sinh của HĐHĐ giảm hoặc Nợ phải trả phải sinh tăng: Nợ TK 41225 - Chênh lệch đánh giá lại HĐ hoán đổi Có TK 1724(1) - HĐ hoán đổi	

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Tại thời điểm đáo hạn hợp đồng	<ul style="list-style-type: none">- HĐ hoán đổi là tài sản phái sinh: Nợ TK 41225-CLĐGL Có TK 1724-HĐHĐ- HĐ hoán đổi là nợ phải trả phái sinh: Nợ TK 1724-HĐHĐ Có TK 41225-CLĐGL	<ul style="list-style-type: none">- Thu hồi số tiền gốc mang đi hoán đổi và ghi giảm khoản đầu tư: Nợ TK Tiền (chi tiết từng loại tiền thu hồi từ HĐ hoán đổi) Có TK Đầu tư- Trả lại số tiền nhận về từ việc hoán đổi và ghi giảm khoản đi vay: Nợ TK Đi vay Có TK Tiền (Chi tiết từng loại tiền trả từ việc hoán đổi)

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Tại thời điểm đáo hạn hợp đồng	<ul style="list-style-type: none">- Đồng thời ghi giảm giá trị danh nghĩa HĐ hoán đổi: Có TK 006- HĐHĐ	<ul style="list-style-type: none">- HĐ hoán đổi là tài sản phái sinh: Nợ TK 41225- CLĐGL Có TK 1724- HĐHĐ- HĐ hoán đổi là nợ phải trả phái sinh: Nợ TK 1724- HĐHĐ Có TK 41225- CL ĐGL- Đồng thời ghi giảm giá trị danh nghĩa HĐ hoán đổi: Có TK 006- HĐHĐ

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích kinh doanh

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Tại thời điểm HĐ có hiệu lực	Nợ TK 006- HĐHĐ: giá trị cam kết danh nghĩa hoán đổi	<ul style="list-style-type: none">- Đối với số tiền mang đi trao đổi: Nợ TK Đầu tư Có TK Tiền (chi tiết từng loại tiền mang đi hoán đổi)- Đối với số tiền nhận về: Nợ TK Tiền (chi tiết từng loại tiền nhận về từ việc hoán đổi) Có TK Đi vay Đồng thời ghi: Nợ TK 006-HĐHĐ: giá trị danh nghĩa số tiền mang đi hoán đổi

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích kinh doanh

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Định kỳ	<ul style="list-style-type: none">- Số tiền được nhận > số tiền phải trả từ HĐ hoán đổi trong kỳ: Nợ TK Tiền, phải thu Có TK DTTC- Số tiền được nhận < số tiền phải trả từ HĐ hoán đổi trong kỳ: Nợ TK CPTC Có TK Tiền, phải trả	<ul style="list-style-type: none">- Đối với số tiền lãi phải thu: Nợ TK Tiền, phải thu Có TK DTTC- Đối với số tiền lãi phải trả: Nợ TK CPTC Có TK Tiền, phải trả

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích phòng ngừa rủi ro

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Khi lập báo cáo tài chính	<ul style="list-style-type: none">- Giá trị hợp lý TS phải sinh của HĐHĐ tăng hoặc Nợ phải trả phải sinh giảm: Nợ TK 1724(1) - HĐ hoán đổi Có TK DTTC- Giá trị hợp lý TS phải sinh của HĐHĐ giảm hoặc Nợ phải trả phải sinh tăng: Nợ TK CPTC Có TK 1724(1) - HĐ hoán đổi	

Phương pháp kế toán



· Hợp đồng hoán đổi cho mục đích kinh doanh

	HĐ hoán đổi lãi suất và HĐ hoán đổi hàng hóa	HĐ hoán đổi tiền tệ
Tại thời điểm đáo hạn hợp đồng	<ul style="list-style-type: none">- Đồng thời ghi giảm giá trị danh nghĩa HĐ hoán đổi: Có TK 006-HĐHĐ	<ul style="list-style-type: none">- Nếu cuối kỳ trước HĐ hoán đổi có lãi: Nợ TK CPTC Có TK 1724-HĐHĐ- Nếu cuối kỳ trước HĐ hoán đổi bị lỗ: Nợ TK 1724-HĐHĐ Có TK DTTC- Đồng thời ghi giảm giá trị danh nghĩa HĐ hoán đổi: Có TK 006-HĐHĐ